**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN A**
**TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 02 - 2021
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Ngọc Nghiên;

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông: Lê Hoàng Hiền;

Bà: Nguyễn Thị Hoa.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Thị Hoài Loan là Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định tham gia phiên toà:*** Bà Trần Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 07/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020; Về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn*:* Chị Trần Thị Mộng V, sinh năm 1992;

*Địa chỉ: Thôn V, xã Ci, huyện P, tỉnh Bình Định.*

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Công Ch, sinh năm 1987;

*Địa chỉ:Thôn X, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định.*

3. Người làm chứng: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1961 (cha đẻ của anh Ch);

*Địa chỉ: Thôn X, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 26/8/2020, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Mộng V, trình bày:*

- Về hôn nhân: Trước khi đến hôn nhân, chị V và anh Ch tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã A vào năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Ch ham mê cờ bạc, bỏ bê vợ con, vay mượn tiền nhiều người, không có khả năng trả nợ. Sự việc mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần, anh Ch hứa sẽ sửa chữa, nhưng sau đó vẫn chứng nào tật ấy không thay đổi. Đến tháng 3 năm 2018, chị V không thể chung sống với anh Ch được nữa, nên phải dẫn con về nhà mẹ đẻ (Phù Cát) ở đến nay. Hiện không ai còn quan tâm đến ai, mặc ai nấy sống, mục đích hôn nhân không đạt được, chị V không còn tình cảm với anh Ch nữa, chị V yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Ch.

- Về nuôi con chung: Chị V và anh Ch có 01 người con, tên: Nguyễn Tấn V, sinh ngày 22/01/2015. Sau khi ly hôn chị Vân nhận nuôi con đến trưởng thành, không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn, anh Nguyễn Công Ch*: Mặc dù thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú chưa được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án và chưa phát sóng trên Đài phát thanh hoặc Đài truyền hình của Trung ương theo đúng quy định tại Điều 385 của Bộ luật tối tụng dân sự. Tuy nhiên, sau khi đăng tải Thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú trên báo Công lý số: 018 (716) ngày 03/3/2020, số: 019 (717) ngày 06/3/2020 và số: 020 (718) ngày 10/3/2020 thì gia đình và chính quyền địa phương cho biết hiện anh Ch có mặt tại địa phương. Mặc khác, ngay sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện tống đạt và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khi Tòa án đến nhà giao giấy triệu tập, gia đình anh Ch cũng đã thông báo cho anh Ch biết là đã nhận được các văn bản của Tòa án và yêu cầu anh Ch đến Tòa án để làm việc, nhưng anh Ch cố tình né tránh, không đến làm việc với Tòa án, không thực hiện nghĩa vụ của mình, không tham gia tố tụng theo yêu cầu của Tòa án.

*Tại bản xác minh ngày 09/12/2020 và tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Thanh B (cha đẻ của anh Ch), người làm chứng, trình bày:* anh Ch và chị V kết hôn vào năm 2014, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh Ch và chị V vào thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định làm ăn sinh sống. Trong thời gian sống chung, anh Ch có chơi cờ bạc bị thua lỗ, không có khả năng trả nợ, nên vợ chồng đã về quê để sinh sống. Gia đình cũng đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh Ch vẫn không từ bỏ cờ bạc. Trong thời gian sống ở quê, anh Ch cứ đi vài ngày rồi lại về, gia đình có hỏi thì anh Ch nói "đi làm" nhưng không nói làm gì. Tòa án có đến nhà giao các giấy triệu tập cho anh Ch, nhưng anh Ch không có mặt ở nhà nên ông B đã nhận thay. Sau khi nhận các giấy tờ thì ông đã trực tiếp thông báo cho anh Ch để biết sự việc và khuyên anh Ch đến Tòa án để giải quyết vấn đề hôn nhân nhưng Ch không chịu đến Tòa án. Việc

chị V làm đơn xin ly hôn với anh Ch gia đình cũng thống nhất, vì chị V vừa đi làm vừa nuôi con nhỏ một mình, rất vất vả, còn anh Ch thì bỏ mặc không quan tâm gì đến vợ con.

*Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương:* Việc mâu thuẫn giữa vợ chồng chị V và anh Ch như lời chị V trình bày là đúng, chính quyền địa phương được biết: anh Ch thường xuyên chơi bài bạc, nợ nần nhiều, không có khả năng trả nợ, thỉnh thoảng đi đâu rồi lại về địa phương, không báo cáo với chính quyền địa phương, nên địa phương cũng không biết anh Ch đi đâu, làm gì. Quan điểm của chính quyền địa phương nhận thấy việc chị V xin ly hôn với anh Ch là phù hợp. Đối với con chung, xét về điều kiện nuôi con, nên giao con cho chị V chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ đảm bảo cuộc sống của con tốt hơn anh Ch.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến:* Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Thẩm phán: Chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) từ khi thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng đúng; thu thập tài liệu, chứng cứ của vụ án đầy đủ, xác minh tình trạng hôn nhân, mở phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tống đạt các văn bản tố tụng đúng pháp luật. Ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo thời hạn quy định, cấp phát các văn bản tố tụng đúng trình tự thủ tục luật định.

- Hội đồng xét xử: Thành phần 01 Thẩm phán, 02 Hội thẩm đúng quy định tại Điều 63/BLTTDS, nguyên tắc xét xử độc lập, tuân thủ các quy định chung về phiên tòa. Thư ký: Phổ biến nội quy phiên tòa, báo cáo sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định tại Điều 51, 237/BLTTDS.

- Nguyên đơn: Chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ đúng quy định Điều 70, 71 của BLTTDS. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật, không tham gia phiên tòa.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Theo quy định tại Điều 385 của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú phải được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án và phát sóng trên Đài phát thanh hoặc Đài truyền hình của trung ương ba lần trong 03 ngày liên tiếp. Nhưng Tòa án vẫn chưa thu thập đầy đủ chứng cứ trên. Viện kiểm sát nhận thấy còn thiếu thủ tục tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú nên không phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

***[1] Về thủ tục tố tụng:***

Đây là vụ án có quan hệ tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn", giữa: Nguyên đơn Trần Thị Mộng V, cư trú tại: thôn V, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định và bị đơn Nguyễn Công Ch, cư trú tại: thôn X, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định. Các điều kiện thụ lý như: Chủ thể, thẩm quyền đảm bảo nên Tòa án nhân dân huyện A thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của BLTTDS.

Về sự vắng mặt của bị đơn: anh Nguyễn Công Ch đã được Tòa án thực hiện các thủ tục cấp, tống đạt, thông báo, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh Ch đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

***[2] Về nội dung:***

[2.1] Về hôn nhân: Chị V và anh Ch đăng ký kết hôn năm 2014, tại UBND xã A trên cơ sở tự nguyện, như vậy hôn nhân giữa anh Ch và chị V là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Sau khi thành hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Ch thường xuyên cờ bạc, nợ nần nhiều, không có khả năng trả nợ. Việc mâu thuẫn đã được gia đình khuyên giải nhiều lần, nhưng vẫn không đạt kết quả. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Mặc dù anh Ch không có lời khai, nhưng hiện tại mỗi người sống mỗi nơi, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa, anh Ch có hành vi bài bạc, không quan tâm gì đến vợ con, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị V làm đơn xin được ly hôn với anh Ch là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được HĐXX chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị V xin được chăm sóc, nuôi dưỡng con đến trưởng thành, không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng tiền nuôi con. Kết quả xác minh tại gia đình và chính quyền địa phương cho biết việc giao con cho chị V chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, sẽ đảm bảo tốt về mọi mặt cho con, còn anh Ch đã lâm vào cờ bạc, không quan tâm gì đến vợ con. Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của con, nên giao con cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng: Chị V không yêu cầu anh Chánh cấp dưỡng tiền nuôi con. Mặc dù đã được HĐXX giải thích về quyền được yêu cầu cấp dưỡng và mức cấp dưỡng nuôi con, nhưng chị V không yêu cầu, chị V cho rằng mức thu nhập bình quân của chị khoản từ 5-6 triệu đồng/tháng, đủ để trang trải cuộc sống cho hai mẹ con, nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của chị V là phù hợp theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.4] Về chia tài sản: Đương sự không yêu cầu, nên HĐXX miễn xét.

[3] Về án phí HNGĐ: Chị Trần Thị Mộng V phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội, nhưng được trừ vào khoản tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 08700 ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện A (đã nộp đủ).

***Vì các lẽ trên;***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, khoản 1 Điều 147, khoản 5 Điều 177, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

***Tuyên xử:***

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Trần Thị Mộng V.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Mộng V và anh Nguyễn Công Ch.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên: Nguyễn Tấn V, sinh ngày 22/01/2015 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh Nguyễn Công Ch đến khi chị Trần Thị Mộng V có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng tiền nuôi con.

3. Về chia tài sản: Đương sự không yêu cầu, nên miễn xét.

4. Về án phí HN&GĐ: Chị Trần Thị Mộng V phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào khoản tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 08700 ngày 11/11/2020 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện A (đã nộp đủ).

5. Về quyền kháng cáo bản án: Án xử có mặt nguyên đơn, có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 02/02/2021). Bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cơ quan THADS huyện A;
- UBND xã A, huyện A;
*(Bộ phận thực hiện việc đăng ký kết hôn);*
- UBND xã C, huyện P;
*(Bộ phận thực hiện việc đăng ký kết hôn);*
- TAND tỉnh Bình Định (Phòng KTNV);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

**Trần Ngọc Nghiên**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**